

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU SƠN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49 /2024/ HNGĐ-ST  
Ngày: 31 - 07 -2024  
V/v “ Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Long và bà Đào Thị Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn.

Ngày 31 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 59/2024/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2024 về việc “ Ly hôn, tranh chấp con C1 khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXX- ST ngày 24 tháng 06 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/QĐ ngày 12/07/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn 8 , xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**- Bị đơn:** Anh Lê Văn C, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 8, xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, các bản tự khai và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Lê Văn C cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và C1 sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, sau khi sinh được 02( hai) người con C1 thì vợ chồng chị T, anh C mới đi đăng ký kết hôn vào ngày 24/6/2010 tại UBND xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình vợ chồng C1 sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh C thường xuyên rượu chè, chơi bời, không tu chí đi làm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lúc anh C còn đánh đập chị T. Gia đình hai bên nội ngoại và chị T đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi.

Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn C.

Về con C1: Chị T trình bày có 02 ( hai) con C1 là cháu Lê Văn C, sinh ngày 02/5/2005 và cháu Lê Văn L, sinh ngày 01/7/2007. Hiện tại cháu C1 đã trưởng thành, khỏe mạnh đã đi làm, nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Lập hiện chưa đủ 18 tuổi, nên cần có sự chăm sóc của bố mẹ. Cháu Lập đang ở cùng với anh C từ năm 2011 đến nay, hiện nay cháu không còn đi học, đang đi làm theo bố. Ly hôn nguyện vọng của chị T là mong muốn giao cho anh C trực tiếp nuôi dạy cháu Lập cho đến khi cháu trưởng thành, chị T không phải đóng góp nuôi con C1.

Về tài sản : Vợ chồng không có tài sản C1, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Văn C đã được Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết C khai các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập hợp lệ để anh C có mặt tại Tòa án trình bày lời khai, tham gia phiên họp tiếp cận C khai chứng cứ và tham gia phiên tòa, nhưng anh C chống đối không có quan điểm nộp cho Tòa án, không đến Tòa án theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án mà không có lý do. Anh C từ bỏ quyền của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của bộ luật tố tụng dân sự để mặc cho Tòa án giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 25/6/2024 Tòa án đã phối hợp với C an xã Vân Sơn đến gia đình anh C để lấy lời khai và xác minh về lý do anh C không có mặt theo giấy triệu tập. Qua báo cáo của bà Nguyễn Thị Thuận ( là mẹ đẻ của anh C) cho biết anh C không có mặt tại địa phương, các văn bản của Tòa án giao cho anh C, bà là người nhận thay và cam đoan sẽ giao hoặc thông báo cho anh C, bà Thuận đã gọi điện thoại cho anh C để thông báo cho anh C về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án và chụp gửi qua tài khoản zalo cho anh C được biết, nhưng anh C để mặc cho Tòa án giải quyết, không có quan điểm gì. Bà Thuận khẳng định vợ chồng chị T và anh C cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và C1 sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004. Sau khi cưới thì vợ chồng chị T ở cùng với bà Thuận và sinh được 02 ( hai) người con là cháu Lê Văn C1, sinh ngày 02/5/2005 và cháu Lê Văn Lập, sinh ngày 01/7/2007 và đến năm 2010 thì đăng ký kết hôn là hoàn toàn đúng thực tế. Năm 2011 vợ chồng chị T, anh C sống ly thân, các cháu C1 và Lập ở cùng với anh C từ năm 2011 đến nay, chị T cũng không quan tâm, chăm sóc các con C1.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T. Đề nghị xử cho chị T ly hôn anh Lê Văn C. Về con C1 đề nghị áp dụng Điều 81; 82 và 83 luật hôn nhân gia đình, điểm a, khoản 2 Điều 482

của bộ luật tố tụng Dân sự. Giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Văn Lập đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Về tài sản: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. *Về tố tụng*: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con C1 khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lê Văn C có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Văn C đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng anh C trốn tránh không đến Tòa án, không có lý do. Vì vậy căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị T và anh C cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và C1 sống như vợ chồng kể từ năm 2004, sau khi kết hôn vợ chồng chị T đã ở cùng với bà Nguyễn Thị Thuận ( là mẹ đẻ anh C) và sinh được 02 người con, đến ngày 24/6/2010 vợ chồng chị T, anh C mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 31/2010. Như vậy việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Mục đích kết hôn của vợ chồng anh chị là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng bình đẳng, thương yêu, C1 T và chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nhưng do tính tình vợ chồng anh chị không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, chưa thực sự yêu thương, chăm sóc và quan tâm đến nhau, nên cuộc sống C1 của anh chị không có hạnh phúc. Do không hòa giải được mâu thuẫn, nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay, không ai quan tâm đến ai, nay chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Anh Lê Văn C trốn tránh, không có quan điểm về việc giải quyết vụ án, bỏ mặc cho Tòa án giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Xử cho chị T được ly hôn anh C.

[3]. *Về con C1*: Vợ chồng anh, chị có 02 ( hai) người con C1 với nhau, tên các cháu là Lê Văn C1, sinh ngày 02/5/2005 và cháu Lê Văn Lập, sinh ngày 01/7/2007, các cháu ở cùng với anh C từ năm 2011 đến nay. Hiện nay cháu C1 đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh đã đi làm. Cháu Lập mới được hơn 17 tuổi đang ở và đi

làm cùng anh C và cháu có nguyện vọng tiếp tục được ở cùng anh C. Do anh C trốn tránh không có quan điểm về việc ly hôn và nuôi con, nhưng quá trình giải quyết vụ án chị T và bà Nguyễn Thị Thuận ( mẹ đẻ của anh C) đều khẳng định cháu Lập ở cùng với anh C từ năm 2011 đến nay.

Vì vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 07/05/2024 Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân phát sinh tranh chấp và điều kiện nuôi con của chị T và anh C. Tại buổi xác minh UBND xã Vân Sơn cho biết chị T và anh C đều có hộ khẩu thường trú tại thôn 8, xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn, anh C đi làm ăn nhưng thỉnh thoảng vẫn về địa phương. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị T và anh C UBND xã không biết, vì vợ chồng anh chị không có đơn trình bày, không yêu cầu các đoàn thể và chính quyền địa phương hòa giải. Vợ chồng anh, chị có 02 người con C1 là cháu Lê Văn C1, sinh ngày 02/5/2005 và cháu Lê Văn Lập, sinh ngày 01/7/2007. Hiện tại cháu C1 đã trưởng thành, khỏe mạnh. Cháu Lập hiện chưa đủ 18 tuổi. Nay chị T làm đơn ly hôn anh C, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét nguyện vọng nuôi con C1 của chị T, nguyện vọng của cháu Lập thì thấy: Do cháu Lập ở cùng với anh C từ năm 2011 đến nay, chị T có nguyện vọng giao cháu Lập cho anh C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cháu Lập cũng có nguyện vọng được ở cùng anh C. Để đảm bảo quyền lợi và điều kiện phát triển bình thường, ổn định về tâm lý của cháu Lập, cần giao cho anh Lê Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lập cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con C1.

*[4]. Về tài sản:* Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*[5]. Về án phí:* Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

- *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T. Xử cho chị T được ly hôn anh Lê Văn C.

- *Về con C1:* Giao cho anh Lê Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Văn Lập cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con C1.

Chị Lê Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con C1. Anh C và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở.

- *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch. Số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2023/0002870 ngày 08 tháng 04 năm 2024 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ.

- *Về quyền kháng cáo*: Án xử C khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Chị T và anh C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND xã Vân Sơn
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị T**



